TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 05/2020/HNGĐ-PT Ngày 01-6-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Yến H; cư trú tại: đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị Yến H là ông Võ Văn T, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: đường N, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Ngọc T; cư trú tại: đường N, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Văn phòng Công chứng S; địa chỉ: đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Hoàng Mai Bích T; cư trú tại: Đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

4. Ngân hàng Việt Nam; địa chỉ: đường P, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Ngọc T, là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị Yến H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Ngọc T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-5-2014. Sau đó, vợ chồng về chung sống tại nhà của bà ở địa chỉ đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến ngày 21-12-2018 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay, bà và ông T đã không còn sống chung với nhau nữa và bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Mai Thị Yến H xác định là bà và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung: Ngày 02-5-2019, bà Mai Thị Yến H có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về đề nghị chia tài sản chung là xe ôtô hiệu Toyota Camry, biển số 43A-05179. Xe ôtô này hiện đang do ông T quản lý, sử dụng. Đến ngày 18-7-2019, bà Mai Thị Yến H nộp đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông T đối với xe ôtô nói trên.

- Về nợ chung: Bà Mai Thị Yến H xác định là bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn ông Vũ Ngọc T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Mai Thị Yến H về quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Riêng nội dung bà H cho rằng ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng sự thật. Vì mâu thuẫn và trong khi bà H đang nóng giận nên ông đang tạm lánh đi ở nhờ nhà người quen để vợ ông bình tĩnh trở lại. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ. Trong trường hợp bà H nhất quyết ly hôn thì ông đồng ý nhưng phải đi đôi với yêu cầu của ông là được chia tài sản chung.

- Về con chung: Ông Vũ Ngọc T xác định là ông và bà Mai Thị Yến H không có con chung.

- Về tài sản: Ngày 02-05-2019, ông Vũ Ngọc T nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, theo đơn ông T trình bày:

+ Trước khi kết hôn với ông thì bà H đã có 03 căn nhà tại địa chỉ K18 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

* Căn nhà thứ nhất: Nhà ở trên thửa đất diện tích 164,50m^2 (thửa đất số 299, tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/7 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23-6-2000, đứng tên bà Hồng Thị Uyên; được chỉnh lý biến động về chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-12-2011.

* Căn nhà thứ hai: Nhà ở trên thửa đất diện tích 49,20m^2 (thửa đất số 325+326, tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/3 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29-6-2000, đứng tên ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Cam; được chỉnh lý biến động về chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 13-02-2012.

* Căn nhà thứ ba: Nhà ở trên thửa đất diện tích 62,90m^2 (thửa đất số 327, tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/1 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-02-2012, đứng tên bà Mai Thị Thanh; được chỉnh lý biến động về chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-4-2012.

+ Sau khi kết hôn với bà Mai Thị Yến H, thì ông và bà H đã tạo dựng được thêm các tài sản chung sau:

* Căn nhà thứ nhất: Mua của ông Nguyễn Văn Tặng và bà Phạm Thị Nhờ căn nhà cấp 4, có diện tích sử dụng 52,23m^2, tại địa chỉ K18/5 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (diện tích đất ở 38,9m^2; thửa đất số 301+302; tờ bản đồ số 10). Căn nhà này đứng tên một mình bà Mai Thị Yến H.

* Căn nhà thứ hai: Mua của bà Ngô Mỹ Hạnh căn nhà cấp 4, có diện tích sử dụng 54m^2, tại địa chỉ Kđường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (diện tích

đất ở 48,3m^2; thửa đất số 352; tờ bản đồ số 10). Căn nhà này đứng tên cả hai vợ chồng ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H.

* Thửa đất ngõ kiệt: Ông và bà H xin mua luôn của Nhà nước diện tích đường ngõ kiệt K18 đường Lý Tự Trọng trước đây sử dụng đi vào các căn nhà ở riêng lẻ mà gia đình ông bà đã mua hết để hợp thửa tất cả các thửa đất lại. Sau khi làm thủ tục thì đến ngày 24-10-2016, Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND về việc giao cho bà Mai Thị Yến H diện tích đất rẻo 54,8m^2 để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị và hợp vào thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10 tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng ông đã nộp tiền sử dụng đất do nhà nước giao đất là 1.884.024.000 đồng.

* Phần đầu tư xây dựng nhà mới: Trong thời gian năm 2016 và 2017, sau khi mua và hoàn thành các thủ tục đối với 03 thửa đất nói trên, vợ chồng ông đã phá dỡ toàn bộ nhà cũ trên đất, xin hợp lại thành một thửa và xây dựng biệt thự 03 tầng tại đây.

+ Để tạo ra một tài sản có giá trị lớn, nhằm vay số tiền lớn từ Ngân hàng, phục vụ cho hoạt động kinh doanh hiệu Vàng của bà H, nên bà H đã đề nghị ông nhập thửa diện tích đất mua của ông Nguyễn Văn Tặng và bà Phạm Thị Nhờ nói trên với các thửa đất của bà H có trước khi kết hôn. Bản thân ông thì thấy ý kiến bà H cũng hợp lý bởi lẽ đều là của chồng, của vợ không mất đi đâu mà thiệt nên đã để cho bà H đứng tên một mình sở hữu căn nhà K18/5 đường Lý Tự Trọng mua của ông Tặng, bà Nhờ. Do đó, sau khi làm thủ tục nhận chuyển nhượng xong căn nhà này thì bà H đã xin hợp thửa đất này với các thửa đất có trước khi kết hôn của bà H và ngày 11-4-2016, bà H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC906761. Sau đó, vợ chồng đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Việt Nam.

+ Vì còn thửa đất 48,3m^2 mua của bà Ngô Mỹ Hạnh cách thửa đất đã được hợp thửa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC906761 ngày 11-4-2016 nói trên một phần (đoạn) ngõ chung. Thửa đất ngõ này lại có vị trí bên ngoài giáp mặt

đường Lý Tự Trọng, vậy nên lúc đó bà H có bàn với ông là mua nốt của Nhà nước diện tích đất ngõ chung 54,8m^2 này để trở thành đất sử dụng riêng của gia đình, rồi hợp thửa nốt với thửa đất còn lại 48,3m^2 nằm phía trong thì sẽ có giá trị lớn hơn nhiều do giá trị được tính là đất mặt đường Lý Tự Trọng; vay vốn của Ngân hàng sẽ có giá trị cao hơn. Chính vì vậy, mặc dù thửa đất 48,3m^2 đã đứng tên hai vợ chồng từ năm 2015, nhưng phải chờ mãi đến năm 2017, khi ông bà đã làm thủ tục mua nốt diện tích đất ngõ 54,8m^2 thì ông và bà H mới ra Công chứng làm thủ tục từ chối tài sản để cho bà H đứng tên một mình, nhằm hợp nốt 02 thửa đất 54,8m^2 và 48,3m^2 vào thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC906761 ngày 11-4-2016, để xin phép xây dựng nhà biệt thự. Sau khi xây dựng nhà xong, đến ngày 22-9-2017 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 với tổng diện tích đất 418,6m^2.

+ Sau khi được cấp giấy chứng nhận này, bà H nói rằng cần vay thêm vốn từ ngân hàng để mở rộng kinh doanh; mua nhà cho con gái riêng và mở thêm quán cà phê - karaoke "Hát cho nhau nghe", nên ngày 23-11-2017 bà H đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 cho Ngân hàng Việt Nam để vay vốn khoảng 8,4 tỷ đồng.

+ Vì tin tưởng là tài sản vợ chồng làm ra là của chung, việc giao cho vợ đứng tên một mình nhằm mục đích hợp lại các thửa đất nhỏ lẻ thành thửa đất lớn hơn, có giá trị cao hơn, xin phép xây dựng dễ dàng hơn, và sau khi xây xong sẽ vay vốn Ngân hàng được nhiều hơn để làm ăn. Xuất phát từ sự tin tưởng đó nên ông hoàn toàn tin tưởng, đồng ý làm theo ý nguyện của bà H và không hề mảy may nghi ngờ gì khác. Chính vì các lý do trên, ông đã nhiều lần đồng ý ký tên vào các văn bản thỏa thuận cam kết về tài sản vào các ngày 09-02-2017, 21-02-2018, 02-3-2018, … và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15-01-2016, mà không hề mảy may nghi ngờ, xem xét, suy xét hay hiểu rõ tính pháp lý của các văn bản này.

+ Cuối năm 2018, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H cho rằng các tài sản này là của bà ấy, do ông đã nhiều lần ký cam kết từ chối tài sản chung vợ chồng

trong thời kỳ hôn nhân thì các tài sản chung này là của riêng vợ ông; khi ly hôn ông không có quyền lợi gì đối với các tài sản này. Ông nhận thấy đây là sự bất công đối với ông, vợ ông đã lừa dối ông và tước bỏ các quyền lợi mà ông đáng nhẽ phải được hưởng theo quy định của pháp luật.

+ Ngay sau khi nhận ra âm mưu của vợ, ông đã tìm hiểu lại thì nhận thấy vì bà H muốn nhanh chóng lừa dối để chiếm đoạt phần tài sản của ông trong khối tài sản chung, nhưng đã sai lầm trong việc hợp thửa các thửa đất nhỏ lẻ thành thửa đất lớn, cụ thể là: Căn cứ trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15-01-2016, nội dung thể hiện ông chỉ tặng cho vợ ông một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông có trong phần tài sản theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011"; theo hợp đồng này, phần quyền của ông được thể hiện và miêu tả rất cụ thể là cho tặng 24m^2 đất và 27m^2 nhà. Như vậy sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 ngày 22-9-2017 vô tình cấp sổ đứng tên vợ ông trùng lên phần đất của ông vẫn còn 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà.

+ Tất cả tài sản ông nêu ở trên, gồm 03 thửa đất và biệt thự là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên cần phải xác định là tài sản chung của vợ chồng; có tổng giá trị tạm tính là 16.884.024.000 đồng.

+ Hiện vợ ông có khoản nợ vay 8,4 tỷ đồng của Ngân hàng Việt Nam; tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của bà H và tài sản riêng của ông. Số tiền vay này bà H sử dụng toàn bộ để mua nhà cho con gái riêng; cho con đi du học nước ngoài; tăng vốn kinh doanh cho hiệu vàng; đầu tư vào quán cà phê; không sử dụng cho sinh hoạt gia đình.

+ Ông Vũ Ngọc T yêu cầu:

* Tuyên vô hiệu và vô hiệu một phần các giao dịch về từ chối tài sản; hợp đồng tặng cho vào các ngày 09-02-2017, 21-02-2018, 02-3-2018 được ký tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng.

* Tuyên công nhận phần tài sản riêng của ông còn lại là 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011.

* Chia phần tài sản chung của vợ chồng theo giá trị tạm tính là 16.884.024.000 đồng. Ông xin được nhận giá trị bằng tiền mặt.

* Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 ngày 22-9-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không đúng cho bà Mai Thị Yến H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Ngọc T rút yêu cầu đối với các nội dung sau:

- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu và vô hiệu một phần các giao dịch về từ chối tài sản; hợp đồng tặng cho vào các ngày 09-02-2017, 21-02-2018, 02-3-2018 được ký tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng;

- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên công nhận phần tài sản riêng của ông còn lại là 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011.

- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 ngày 22-9-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không đúng cho bà Mai Thị Yến H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Ngọc T xác định tài sản chung của ông và bà Mai Thị Yến H, gồm: Thửa đất số 352 (cũ), có diện tích đất 48,3m^2 tại K18A đường Lý Tự Trọng; Thửa đất số 301+302 (cũ), có diện tích đất 38,9m^2 tại K18/5

đường Lý Tự Trọng; Diện tích đất rẻo 54,8m^2 tại K18A đường Lý Tự Trọng. Tổng diện tích đất ở là tài sản chung của ông và Hương là 142m^2; chia đôi cho ông và bà H mỗi người được 71m^2. Ông yêu cầu bà H thối trả cho ông giá trị tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất 71m^2 và tài sản gắn liền trên đất với số tiền là 05 tỷ đồng; ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Mai Bích T, trình bày tại Đơn ghi ngày 11-7-2019: Về quán cà phê Hà Nội Center mở tại địa chỉ đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng đã được tạo dựng từ cuối năm 2017; do lúc này bà mới ra trường chưa có việc làm nên đã xin mẹ là bà Mai Thị Yến H mở quán trong khuôn viên nhà; về tài sản liên quan của quán đều do bà mua sắm từ nguồn tiền của cha đẻ là ông Hoàng Dũng cho; việc điều hành kinh doanh quán do bà phụ trách thu chi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, trình bày tại các văn bản số 200/CC1 ngày 12-7-2019 và 267/CC1 ngày 13-9-2019: Phòng Công chứng đã thực hiện việc chứng nhận đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định, đúng theo yêu cầu và giấy tờ xuất trình của các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Việt Nam và Văn phòng Công chứng S không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Nguyên đơn bà Mai Thị Yến H, trình bày ý kiến phản hồi đối với các yêu cầu về chia tài sản của bị đơn ông Vũ Ngọc T, như sau:

- Trước khi kết hôn với ông Vũ Ngọc T vào ngày 16-5-2014, thì bà đã có 03 căn nhà tại K18 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

+ Căn nhà thứ nhất: Nhà ở trên thửa đất diện tích 164,50m^2 (thửa đất số 299; tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/7 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử

dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23-6-2000, đứng tên bà Hồng Thị Uyên; được chỉnh lý biến động về chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-12-2011.

+ Căn nhà thứ hai: Nhà ở trên thửa đất diện tích 49,20m^2 (thửa đất số 325+326; tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/3 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29-6-2000, đứng tên ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Cam; được chỉnh lý biến động về chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 13-02-2012.

+ Căn nhà thứ ba: Nhà ở trên thửa đất diện tích 62,90m^2 (thửa đất số 327; tờ bản đồ số 10), tại địa chỉ K18/1 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-02-2012, đứng tên bà Mai Thị Thanh; được chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-4-2012.

- Ngoài ra, trước khi kết hôn với ông T thì bà còn có các tài sản sau:

+ Doanh nghiệp tư nhân hiệu vàng Nguyên Hương; địa chỉ trụ sở: 358 đường Ông Ích Khiêm, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Chủ doanh nghiệp bà Mai Thị Yến H).

+ 01 xe ôtô hiệu Mazda, biển số 43H-5374; có Giấy đăng ký ôtô do Phòng Cảnh sát giao thông trật tự Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27-3-2008.

+ Quyền sử dụng thửa đất ở (thửa đất số 32-C1.7) có diện tích 90m^2, tại địa chỉ khu tái định cư Hòa Minh 2, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26-02-2008. Được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Hoàng Dũng và bà Mai Thị Yến H vào ngày 27-5-2008; và được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Mai Thị Yến H vào ngày 30-10-2014.

+ Nhà ở (biệt thự) trên thửa đất diện tích 270m^2 (thửa đất số 31-C1.7 (lô, thửa đất 29, 30 và 31 cũ); tờ bản đồ số HM2), tại địa chỉ khu tái định cư Hòa Minh 2, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-12-2014, đứng tên bà Mai Thị Yến H. (Tài sản này trước đó đã được Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26-02-2008 và được vợ chồng ông Dũng, bà H mua lại; sau đó ông Dũng chuyển nhượng cho bà H đứng tên toàn bộ).

- Sau khi kết hôn với ông Vũ Ngọc T, thì bà đã tạo lập được các bất động sản riêng tại K18 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

+ Căn nhà thứ nhất: Ngày 24-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn Tặng và bà Phạm Thị Nhờ ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Mai Thị Yến H căn nhà cấp 4 với diện tích sử dụng 52,23m^2, diện tích đất ở là 38,9m^2, tại địa chỉ K18/5 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031753 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28-9-2000 (thửa đất số 301+302; tờ bản đồ số 10); tài sản này được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận chỉnh lý biến động sang tên cho bà H từ ngày 18-8-2015. Ngay trước đó, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H cũng đã ký văn bản cam kết về tài sản với nội dung căn nhà cấp 4, tại địa chỉ K18/5 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nói trên được bà H mua bằng tiền riêng và được quyền đứng tên một mình trên giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp và là tài sản riêng của bà H, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

+ Căn nhà thứ hai: Ngày 29-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, bà Ngô Mỹ Hạnh ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H căn nhà cấp 4 với diện tích sử dụng 54m^2, diện tích đất ở là 48,3m^2, tại

địa chỉ Kđường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011 (thửa đất số 352; tờ bản đồ số 10); tài sản này được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận chỉnh lý biến động sang tên cho ông T và bà H từ ngày 18-8-2015. Đến ngày 15-01-2016, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản mà ông T sở hữu chung trong căn nhà K18A đường Lý Tự Trọng cho bà Mai Thị Yến H, nên ngày 21-01-2016, toàn bộ căn nhà K18A đường Lý Tự Trọng đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận chỉnh lý biến động đứng tên cá nhân bà H.

+ Biệt thự 03 tầng: Sau khi đứng tên sở hữu riêng 05 căn nhà tại K18 đường Lý Tự Trọng nói trên, thì bà đã phá dỡ toàn bộ các căn nhà cũ để xây biệt thự và xin hợp các thửa đất nhỏ lại thành một thửa đất lớn với tổng diện tích 363,8m^2. Ngày 11-4-2016, quyền sử dụng diện tích đất 363,8m^2, tại K18A đường Lý Tự Trọng của bà Mai Thị Yến H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC906761. Ngày 09-5-2016, bà đã được Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy phép xây dựng nhà; và sau đó bà tiến hành xây biệt thự 03 tầng trên thửa đất này.

+ Quyền sử dụng diện tích đất 54,8m^2: Do toàn bộ các căn nhà ở trong kiệt K18A đường Lý Tự Trọng đã được bà mua lại hết và đã được hợp thửa, nên bà đã xin mua luôn của Nhà nước diện tích đường ngõ kiệt K18A Lý Tự Trọng trước đây sử dụng đi vào các căn nhà ở riêng lẻ. Sau khi làm thủ tục thì đến ngày 24-10-2016, Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND về việc giao cho bà Mai Thị Yến H diện tích đất rẻo 54,8m^2 để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị và hợp vào thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10 tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà H có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất do nhà nước giao là 1.884.024.000 đồng. Ngày 22-9-2017, nhà và

đất tại K18A Lý Tự Trọng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 228587 đứng tên bà Mai Thị Yến H với tổng diện tích đất ở là 418,6m^2 và nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng 157,6m^2.

- Về nợ: Để tạo lập các tài sản nói trên, ngoài tiền bà có sẵn và vay người thân thì bà còn vay của Ngân hàng, cụ thể như sau:

+ Ngày 10-02-2017, bà ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Việt Nam số tiền 2,7 tỷ đồng. Mục đích vay là để nộp tiền vào ngân sách Nhà nước do được Nhà nước giao diện tích đất rẻo 54,8m^2; và thanh toán tiền hoàn thiện nhà tại 18A đường Lý Tự Trọng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nhà, đất tại 18A đường Lý Tự Trọng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC906761 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2016.

+ Ngày 06-01-2017, bà ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Việt Nam số tiền 440 triệu đồng. Mục đích vay là để thanh toán tiền xây dựng nhà ở và trang trí nội thất. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nhà, đất tại thửa đất số 31-C1.7; tờ bản đồ số HM2, địa chỉ khu tái định cư Hòa Minh 2, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-12-2014, đứng tên bà Mai Thị Yến H và Quyền sử dụng thửa đất tại thửa đất số 32-C1.7, địa chỉ khu tái định cư Hòa Minh 2, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26-02-2008; được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Mai Thị Yến H vào ngày 30-10-2014.

+ Ngày 05-3-2018, bà ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng Việt Nam số tiền 1,5 tỷ đồng. Mục đích vay là để trả tiền mượn người thân mua nhà ở. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nhà, đất tại 18A đường Lý Tự Trọng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22-9-2017.

+ Đối với các khoản nợ vay của Ngân hàng nói trên do bà Mai Thị Yến H tự đứng ra vay và thế chấp bằng tài sản của cá nhân nên quan điểm của bà là sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam, kết luận đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà ở tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10, địa chỉ đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng là 50.827.343.027 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 47.401.426.800 đồng và giá trị nhà ở là 3.425.916.227 đồng. Giá trị tài sản được định giá này đã được ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H thống nhất theo định giá trên.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ các điều 147, 227, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 28, 29, 33, 43, 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 117, 213, 218, 220, 221, 223, 237, 238, 500, 501, 502, 503 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Mai Thị Yến H đối với ông Vũ Ngọc T.

- Xử cho bà Mai Thị Yến H được ly hôn với ông Vũ Ngọc T.

- Không chấp nhận yêu cầu "Chia tài sản chung" của ông Vũ Ngọc T đối với bà Mai Thị Yến H.

- Xử không chấp nhận yêu cầu đòi bà Mai Thị Yến H thối trả số tiền 05 tỷ đồng của ông Vũ Ngọc T đối với giá trị phần diện tích 71m^2 đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 18A Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản chung của bà H đã rút đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry biển số 43A-05179.

- Đình chỉ phần yêu cầu của ông T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu và vô hiệu một phần các giao dịch về từ chối tài sản, hợp đồng cho tặng vào các ngày 09-02-2017, ngày 21-02-2018 và ngày 02-3-2018 được ký tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng; Yêu cầu công nhận phần tài sản riêng của ông T còn lại là 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà tại giấy chứng nhận số BE 521093 giao dịch ngày 18-5-2015; Yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CK 2288587 cấp ngày 22-9-2017 đã cấp không đúng cho bà Mai Thị Yến H. Nếu sau này có người yêu cầu và thời hiệu khởi kiện còn thì giải quyết bằng vụ án khác.

- Bà H, ông T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Mai Thị Yến H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006896 ngày 15-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Mai Thị Yến H tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung số tiền 8.750.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0007114 ngày 17-05-2019.

- Hoàn trả cho ông Vũ Ngọc T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007062 ngày 06-5-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí yêu cầu chia tài sản chung hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Vũ Ngọc T phải chịu là 113.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp số tiền 78.210.060 đồng theo biên lai thu số 0007063 ngày 06-5-2019 và 300.000 đồng được hoàn trả theo biên lai thu số 0007062 ngày 06-5-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông Vũ Ngọc T còn phải nộp thêm số tiền án phí chia tài sản chung hôn nhân gia đình sơ thẩm là 34.489.940 đồng.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phí định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-11-2019, ông Vũ Ngọc T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vì ban hành bản án trái pháp luật, không công tâm, khách quan, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Ngày 05-12-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa phần quyết định về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Mai Thị Yến H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Ngọc T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Người kháng cáo ông Vũ Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Mai Bích T; đại diện Văn phòng Công chứng S thành phố Đà Nẵng; đại diện Ngân hàng Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy bà Mai Thị Yến H và ông Vũ Ngọc T không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; xử cho bà H được ly hôn với ông T là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về nguồn gốc tài sản là nhà đất tại địa chỉ K18 đường Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà đất tại K18 đường Lý Tự Trọng), thì thấy:

Trước khi kết hôn với ông Vũ Ngọc T thì bà Mai Thị Yến H đã có những tài sản riêng sau đây và quyền sở hữu khối tài sản riêng này của bà H cũng đã được ông T thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án:

- Căn nhà thứ nhất: Ngày 27-10-2011, bà Mai Thị Yến H nhận chuyển nhượng từ bà Hồng Thị Uyên căn nhà 02 tầng xây trên thửa đất diện tích 164,50m^2; tại địa chỉ K18/7 đường Lý Tự Trọng. Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23-6-2000, đứng tên bà Hồng Thị Uyên; chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-12-2011.

- Căn nhà thứ hai: Ngày 10-01-2012, bà Mai Thị Yến H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Cam căn nhà cấp 4 xây trên thửa đất diện tích 49,20m^2; tại địa chỉ K18/3 đường Lý Tự Trọng. Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29-6-2000, đứng tên ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Cam; chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 13-02-2012.

- Căn nhà thứ ba: Ngày 07-3-2012, bà Mai Thị Yến H nhận chuyển nhượng từ bà Mai Thị Thanh căn nhà 02 tầng xây trên thửa đất diện tích 62,90m^2; tại địa chỉ K18/1 đường Lý Tự Trọng. Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-02-2012, đứng tên bà Mai Thị Thanh; chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H ngày 09-4-2012.

Vợ chồng bà Mai Thị Yến H và ông Vũ Ngọc T kết hôn vào ngày 16-5-2014, sau khi kết hôn đã có thêm các tài sản sau đây và có tranh chấp trong vụ án:

- Căn nhà thứ nhất: Ngày 24-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn Tặng và bà Phạm Thị Nhờ ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Mai Thị Yến H căn nhà cấp 4 xây trên thửa đất diện tích 38,9m^2; tại địa chỉ K18/5 đường Lý Tự Trọng. Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031753 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28-9-2000; chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho bà Mai Thị Yến H 18-8-2015.

- Căn nhà thứ hai: Ngày 29-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, bà Ngô Mỹ Hạnh ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H căn nhà cấp 4 xây trên thửa đất diện tích 48,3m^2; tại địa chỉ K18A đường Lý Tự Trọng. Nhà đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011; chỉnh lý biến động chuyển nhượng sang tên cho ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H 18-8-2015. Đến ngày 15-01-2016, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T ký hợp đồng tặng cho một phần hai quyền sử dụng đất (24,15m^2) và tài sản gắn liền với đất cho bà Mai Thị Yến H đối với tài sản là căn nhà tại K18A đường Lý Tự Trọng nói trên; nên ngày 21-01-2016, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng đã chỉnh lý biến động sang tên cho bà Mai Thị Yến H đứng tên căn nhà này.

- Sau đó, bà Mai Thị Yến H làm thủ tục nhập tất cả các thửa đất nói trên và ngày 11-4-2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC906761 cho bà H. Theo đó, thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 363,8m^2; địa chỉ 18A đường Lý Tự Trọng. Đến tháng 5-2016, bà H khởi công xây dựng nhà mới 03 tầng trên đất.

- Qua năm 2017, bà Mai Thị Yến H tiếp tục xin mua của Nhà nước đường hẻm trước đây sử dụng đi vào các căn nhà riêng lẻ tại địa chỉ 18A đường Lý Tự Trọng và đến ngày 24-10-2016, Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND về việc giao cho bà Mai Thị Yến H diện tích đất rẻo 54,8m^2 để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị và hợp vào thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10. Sau đó, ngày 22-9-2017, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK228587 cho bà H; theo đó, thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 418,6m^2; nhà ở cấp III có diện tích xây dựng 157,6m^2; diện tích sàn 479,7m^2; địa chỉ 18A đường Lý Tự Trọng.

[5] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc T về nội dung là ông chỉ tặng cho bà Mai Thị Yến H một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà, đất tại 18A Lý Tự Trọng), chứ không phải tặng cho toàn bộ phần nhà, đất của ông có trong khối tài sản này, thì thấy:

Ngày 29-6-2015, ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H nhận chuyển nhượng của bà Ngô Mỹ Hạnh căn nhà riêng lẻ tại 18A Lý Tự Trọng (thửa đất số 352, tờ bản đồ số 10), có diện tích đất 48,30m^2 và diện tích nhà 54m^2, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011 đứng tên bà Hạnh; sau đó đã được chỉnh lý biến động sang tên ông T và bà H vào ngày 18-8-2015. Như vậy, tại thời điểm này căn nhà riêng lẻ tại 18A Lý Tự Trọng được xác lập quyền sở hữu chung của vợ chồng ông T, bà H; đây là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia, theo quy định tại khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ngày 15-01-2016, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T đã ký hợp đồng để tặng cho bà Mai Thị Yến H một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể, theo Điều 1 của Hợp đồng tặng cho thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được tặng cho là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông T đối với nhà, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011, với diện tích đất 24,15m^2 và diện tích nhà 27m^2. Như vậy có cơ sở để xác định theo hợp đồng này thì ông T tặng cho bà H diện tích đất 24,15m^2 và diện tích nhà xây trên đất 27m^2, đây là số liệu đo lường thực tế mà hai bên đã thực hiện giao dịch tặng cho. Cũng như tại thời điểm này (theo hợp đồng tặng cho), thì ông T và bà H cũng đã tự xác định phần của mỗi chủ sở hữu chung là 50% khối tài sản chung này tương đương với phần của ông T là 24,15m^2 đất và 27m^2 nhà; tương tự phần của bà H là 24,15m^2 đất, 27m^2 nhà, theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Việc ông T nay cho rằng, ông chỉ tặng cho bà H một phần hai diện tích nhà, đất trong phần của ông là không đúng với số liệu chi tiết hai bên đã thực hiện việc tặng cho ghi tại hợp đồng, mà cần phải xác định về nội dung: "Hai bên đồng ý thực hiện việc tặng cho một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" được ghi nhận tại hợp đồng tặng cho nói trên là phần sở hữu, sử dụng của ông T có trong nhà, đất tại 18A Lý Tự Trọng.

Do đó, nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm về nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Vũ Ngọc T là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Ngoài ra, ngày 24-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H đã ký văn bản cam kết về tài sản, đối với quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031753 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28-9-2000, về thửa đất số 301+302; tờ bản đồ số 10; diện tích đất 38,90m^2; diện tích sử dụng nhà 52,23m^2, tại K18/5 Lý Tự Trọng, hiện do bà Mai Thị Yến H đang tiến hành

thủ tục mua là hoàn toàn bằng tiền riêng và được quyền đứng tên một mình trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất khi cơ quan có thẩm quyền cấp; tài sản trên là tài sản riêng của vợ không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, ngay sau đó bà H đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Tặng và bà Phạm Thị Nhờ nhà, đất tại K18/5 Lý Tự Trọng nói trên thì tài sản này được xác lập quyền sở hữu riêng cho bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 170 và Điều 172 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm về nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc T về nội dung những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh tại các văn bản sau đây, thì thấy:

Ngày 24-6-2015, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H đã ký văn bản cam kết về tài sản, đối với quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401031753 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28-9-2000, về thửa đất số 301+302; tờ bản đồ số 10; diện tích đất 38,90m^2; diện tích sử dụng nhà 52,23m^2, tại K18/5 Lý Tự Trọng, hiện do bà Mai Thị Yến H đang tiến hành thủ tục mua là hoàn toàn bằng tiền riêng và được quyền đứng tên một mình trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất khi cơ quan có thẩm quyền cấp; tài sản trên là tài sản riêng của vợ không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 02-3-2018, tại Phòng Công chứng thành phố Đà Nẵng, ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H đã ký văn bản thỏa thuận về tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân về nội dung: Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số 10, địa chỉ 18A Lý Tự Trọng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK228587 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp ngày 22-9-2017 mà bà Mai Thị Yến H đang đứng tên là tài sản riêng của bà H; ông Vũ Ngọc T không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc tạo dựng tài sản trên.

Xét hai văn bản trên đã được thực hiện Công chứng đúng theo Luật Công chứng và không bị Tòa án tuyên bố vô hiệu, nên nội dung tại hai văn bản được công chứng nói trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, có giá trị chứng cứ, theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Công chứng; điểm c khoản 1 Điều 80 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 và điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm về nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông T là không có cơ sở.

[7] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc T về giá trị pháp lý của hai văn bản đã được công chứng là Văn bản cam kết về tài sản, ngày 09-02-2017 và Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ngày 02-3-2018, thì thấy:

Hai văn bản nói trên được công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng là ông Vũ Ngọc T và bà Mai Thị Yến H, theo quy định tại Điều 41 của Luật Công chứng; Công chứng viên sẽ thực hiện các việc quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 40 của Luật Công chứng; nếu thấy việc xác thực nội dung, ý định giao kết của ông T và bà H không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội thì Công chứng viên soạn thảo văn bản, do đó về nội dung hai văn bản này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội thì Công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng pháp luật.

Về nội dung "Ông T không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc tạo dựng tài sản trên" được ghi nhận tại 02 văn bản công chứng ký các ngày 09-02-2017 và 02-3-2018 mà ông T kháng cáo cho rằng có mâu thuẫn với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ký ngày 15-01-2016, nên không đảm bảo tính khách quan, trung thực, không đảm bảo yếu tố pháp luật theo Điều 4 của Luật Công chứng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng, thì thấy: Như phân tích về yêu cầu công chứng theo quy định tại Điều 41 của Luật Công chứng nói trên thì nội dung cam kết yêu cầu công chứng do các bên chịu trách nhiệm trước pháp luật, nên hai văn bản đã được công chứng là Văn bản cam kết về tài sản, ngày 09-02-2017 và Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ngày 02-3-2018 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 4 của Luật Công chứng.

[8] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc T về việc đăng ký biến động (ở mục ghi chú) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC906761 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2016 là không đúng pháp luật do không ghi hợp thửa từ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15-01-2016; cũng như ở mục ghi chú tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK228587 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp ngày 22-9-2017 là không đúng pháp luật do không ghi về "Thỏa thuận tài sản của vợ chồng", thì thấy: Quy định tại Điều 11 của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014, Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, như sau: "Trường hợp trong quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, hợp đồng hoặc văn bản nhận chuyển quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP có nội dung hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi nội dung hạn chế theo giấy tờ đó…". Theo đó, các nội dung thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC906761 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK228587 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp ngày 22-9-2017, là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Vũ Ngọc T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo của ông Vũ Ngọc T về các nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cho rằng ông đã ký các "Văn bản cam kết", "Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" do bị vợ là bà Mai Thị Yến H lừa dối, với lý do để phục vụ mục đích kinh doanh của gia đình và hợp các thửa đất lại cho dễ vay ngân hàng;

Tại phiên tòa sơ thẩm, khi được Luật sư hỏi thì bà H cho biết đã có ý định ly hôn với ông T từ trước khi xảy ra mâu thuẫn (năm 2014) nên đã tìm cách để đứng tên các bất động sản này; cũng như khi kết hôn với ông T thì bà H không làm các thỏa thuận xác lập về chế độ tài sản vợ chồng với ông T theo Điều 47 của Luật hôn nhân và gia đình.

Những tình tiết nói trên chứng tỏ ông T bị bà H lừa dối là có cơ sở. Do đó các giao dịch "Văn bản cam kết", "Văn bản thỏa thuận về tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" và "Hợp đồng tặng cho" là các giao dịch dân sự bị lừa dối nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật Dân sự.

Xét nội dung bị bà H lừa dối khi tham gia giao dịch mà ông T đưa ra không được bà H thừa nhận; còn ông T thì không có chứng cứ để chứng minh. Các giao dịch dân sự nói trên có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực. Kháng cáo của ông T là không được chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Ngọc T đã rút yêu cầu đối với các nội dung sau: Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu và vô hiệu một phần các giao dịch về từ chối tài sản; hợp đồng tặng cho vào các ngày 09-02-2017, 21-02-2018, 02-3-2018 được ký tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng; Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên công nhận phần tài sản riêng của ông còn lại là 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011; Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 ngày 22-9-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không đúng cho bà Mai Thị Yến H. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên là đúng với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Ngọc T xác định tài sản chung của ông và bà Mai Thị Yến H, gồm: Thửa đất số 352 (cũ), có diện tích đất 48,3m^2 tại K18A đường Lý Tự Trọng; Thửa đất số 301+302 (cũ), có diện tích đất 38,9m^2 tại

K18/5 đường Lý Tự Trọng; Diện tích đất rẻo 54,8m^2 tại K18A đường Lý Tự Trọng. Tổng diện tích đất ở là tài sản chung của ông và Hương là 142m^2; chia đôi cho ông và bà H mỗi người được 71m^2. Ông yêu cầu bà H thối trả cho ông giá trị tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất 71m^2 và tài sản gắn liền trên đất với số tiền là 05 tỷ đồng; ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm. Xét yêu cầu của ông T tại phiên tòa sơ thẩm là không có căn cứ pháp luật như đã phân tích ở trên, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu của ông T là đúng quy định của pháp luật.

[12] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về án phí dân sự sơ thẩm, thì thấy: Trong vụ án này ông Vũ Ngọc T có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng với số tiền ông yêu cầu được chia là 05 tỷ đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia; tuy nhiên về vụ án này thì ông T không được chia tài sản theo yêu cầu nên ông không phải chịu án phí; việc Tòa án sơ thẩm buộc ông T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền 05 tỷ đồng mà ông yêu cầu là không đúng quy định nói trên. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung này là đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[13] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Vũ Ngọc T không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa một phần

Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Ngọc T; chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 43 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 170, Điều 172, Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 5, Điều 41 của Luật Công chứng; Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 244, khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 80 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Mai Thị Yến H đối với ông Vũ Ngọc T.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông Vũ Ngọc T đối với bà Mai Thị Yến H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị Yến H được ly hôn với ông Vũ Ngọc T.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản với số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) của ông Vũ Ngọc T đối với bà Mai Thị Yến H.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Mai Thị Yến H đối với ông Vũ Ngọc T về chia tài sản là xe ô tô hiệu Toyota Camry, biển số 43A-05179.

4. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau của ông Vũ Ngọc T:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu và vô hiệu một phần các giao dịch về từ chối tài sản; hợp đồng tặng cho vào các ngày 09-02-2017, 21-02-2018, 02-3-2018 được ký tại Phòng Công chứng số 1, thành phố Đà Nẵng;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên công nhận phần tài sản riêng của ông còn lại là 12m^2 đất và 13,5m^2 nhà tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE521093 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-6-2011.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK228587 ngày 22-9-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Mai Thị Yến H.

5. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bà Mai Thị Yến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006896 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Hoàn trả lại cho bà Mai Thị Yến H 8.750.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản bà H đã nộp theo biên lai số 0007114 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Ngọc T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đã nộp theo biên lai số 0007062 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Vũ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản. Hoàn trả lại cho ông Vũ Ngọc T 78.210.060 đồng (Bảy mươi tám triệu, hai trăm mười ngàn, không trăm sáu mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản ông T đã nộp theo biên lai số 0007063 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Vũ Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008644 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chi phí định giá tài sản 19.800.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm ngàn đồng), ông Vũ Ngọc T phải chịu; ông T đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán xong theo Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 19-8-2019 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000889 ngày 19-8-2019 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân phường Nam Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hà Nam